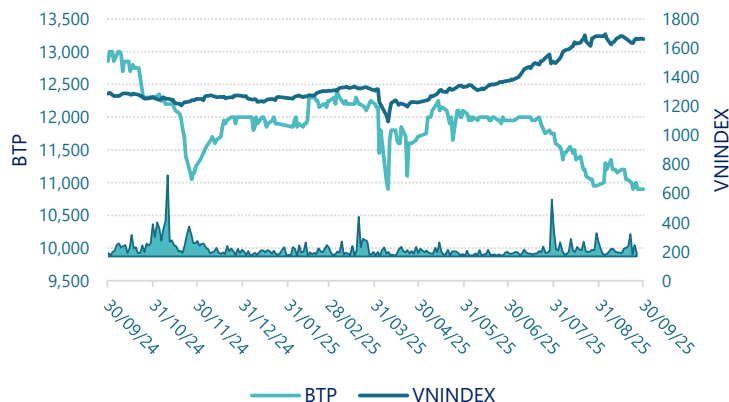


CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (HSX: BTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,003
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,900
SL cổ phiếu LH	60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,725
% sở hữu nước ngoài	6.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	659
P/E	15.6
EPS	697

DT thuần

Q3/25

67.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.40 | 2.1%

YoY: ▼7.00 | -9.4%

LN sau thuế

Q3/25

8.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.60 | 7815%

YoY: ▲ 9.32 | 1123%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

15.7%

+/- YoY: ▲ 14.5%

DT thuần

9T 2025

191

tỷ VNĐ

YoY: ▼88.0 | -31.4%

LN sau thuế

9T 2025

19.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.10 | 36.4%

ROE

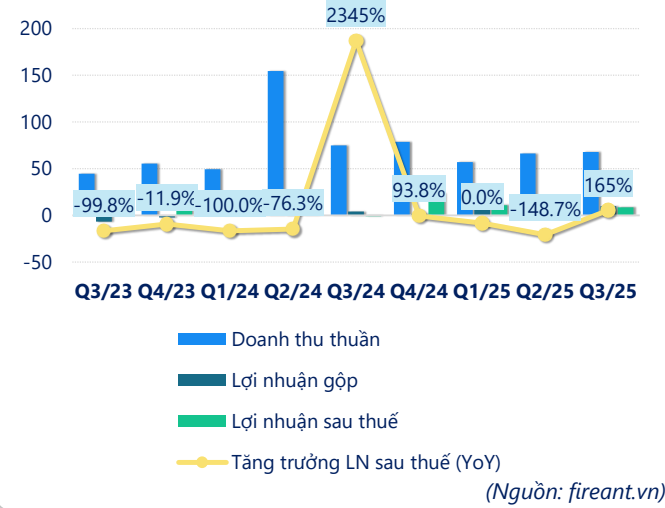
Q3/25

4.0%

+/- YoY: ▲ 1.1%

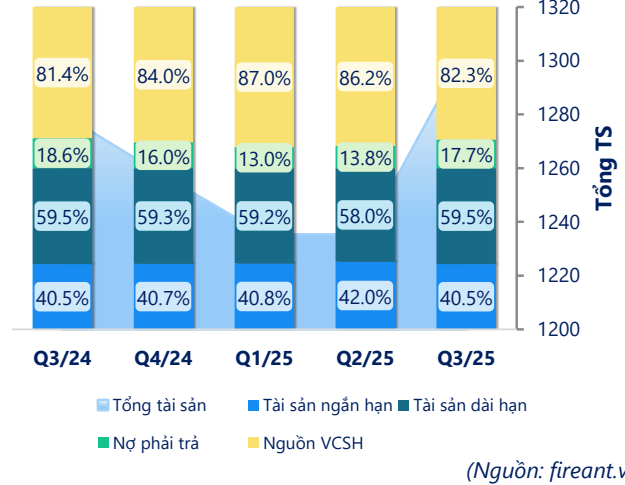
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

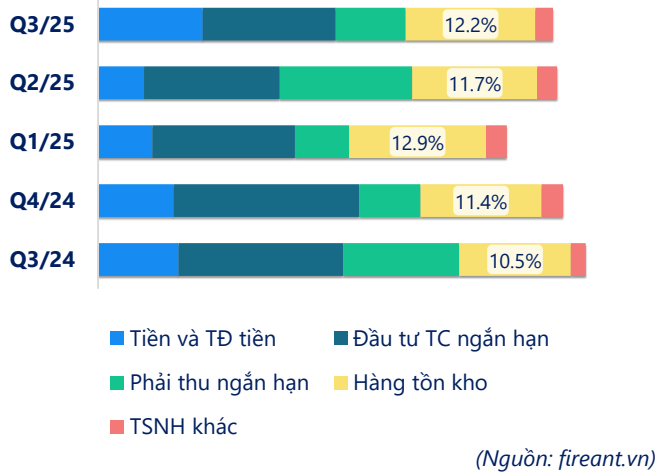


Cơ cấu Tổng tài sản

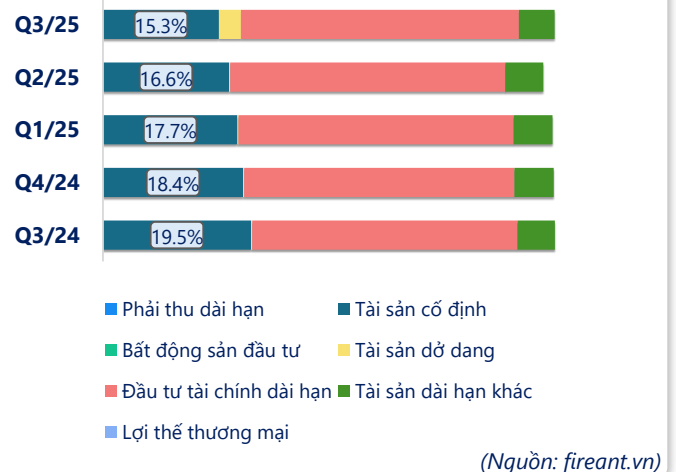
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

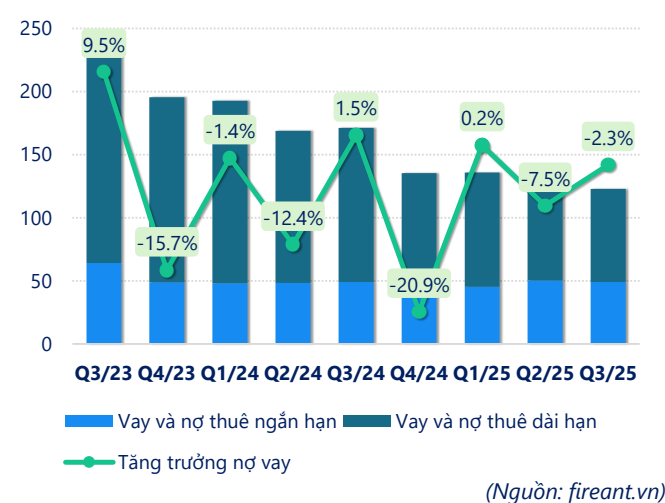


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



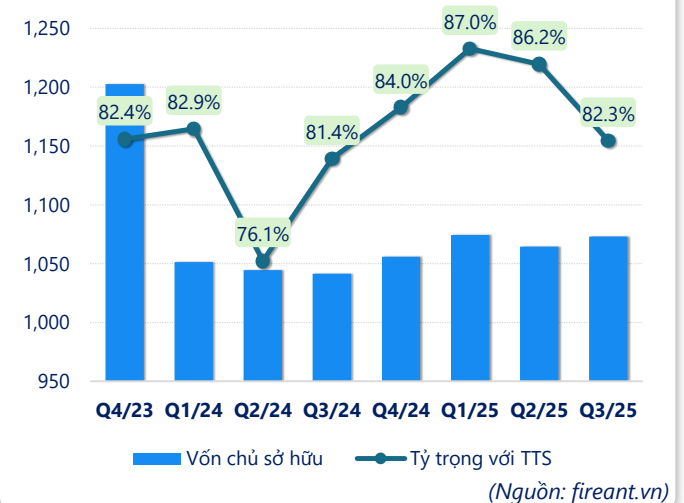
tỷ VNĐ

Nợ vay

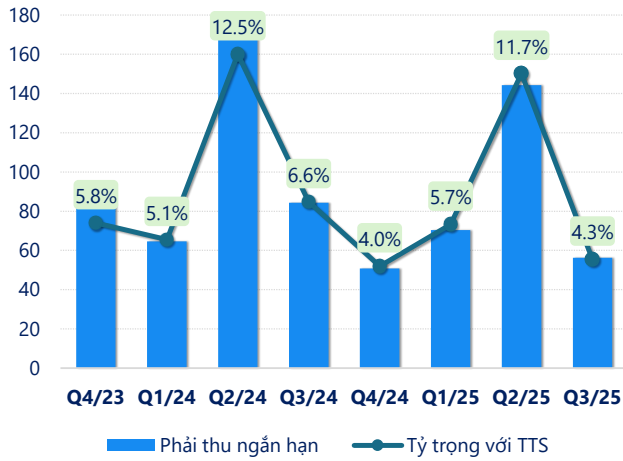


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

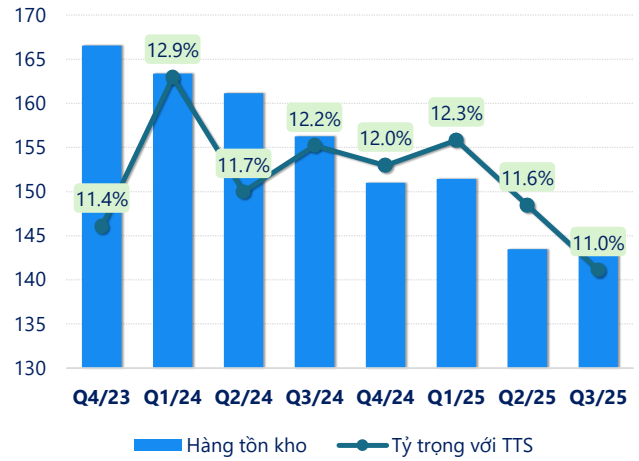


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


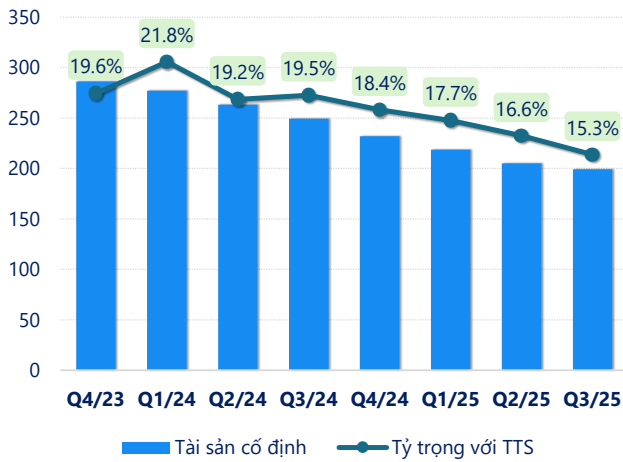
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


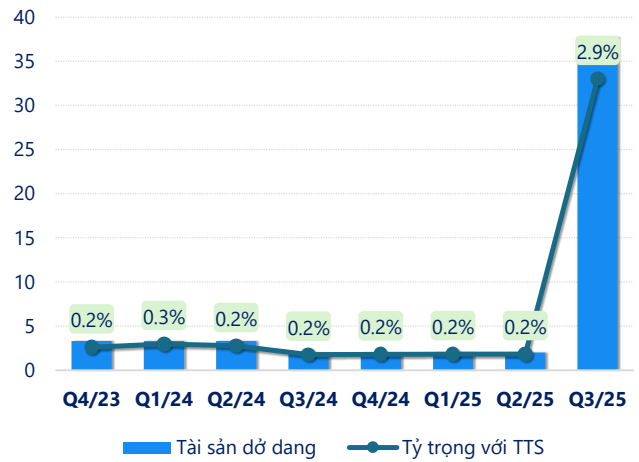
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

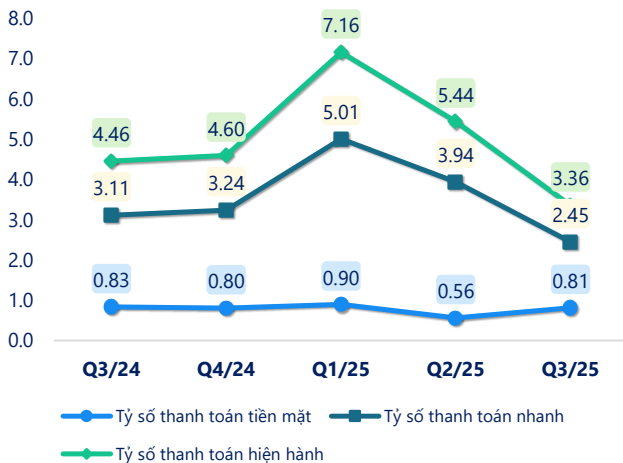
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

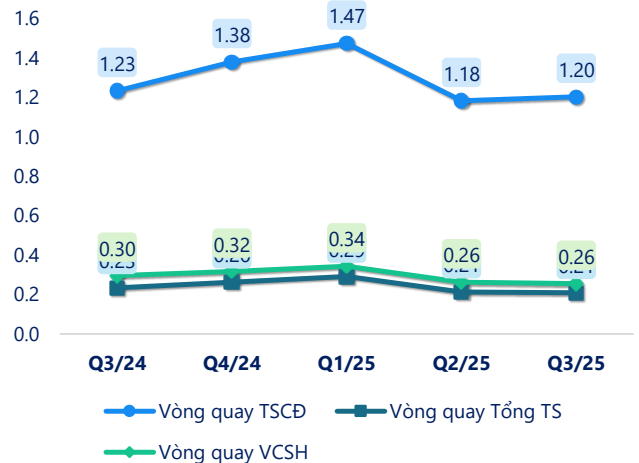
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,280	1,257	1,235	1,235	1,304
Tài sản ngắn hạn	519	512	504	519	529
Tiền và tương đương tiền	96.8	89.3	63.2	53.6	128
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160	200	200	165	190
Phải thu ngắn hạn	84.4	50.8	70.4	144	56.2
Hàng tồn kho	156	151	151	143	143
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	20.4	19.3	13.0	11.0
Tài sản dài hạn	762	746	731	716	776
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	249	232	219	205	199
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.99	1.99	1.99	1.99	37.7
Đầu tư tài chính dài hạn	447	447	447	447	477
Tài sản dài hạn khác	62.9	64.7	63.3	61.7	61.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	239	202	161	171	231
Nợ ngắn hạn	116	111	70.5	95.4	157
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.9	45.2	45.3	50.3	49.1
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	39.1	1.99	2.08	56.2
Nợ dài hạn	122	90.3	90.5	75.4	73.7
Vay và nợ thuê dài hạn	122	90.3	90.5	75.4	73.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,042	1,056	1,074	1,065	1,073
Vốn chủ sở hữu	1,042	1,056	1,074	1,065	1,073
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)